

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 8 - 2023

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thanh Hải.
2. Bà Nguyễn Thị Phương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vi Hải L, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm C, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vi Hải L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Ngọc H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào tháng 01 năm 2015. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống với gia đình nhà chồng tại xóm C, xã T, thành phố T. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn, từ đó vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh có nguyện vọng được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống. Do anh và chị H hiện không còn liên lạc với nhau nên anh không có địa chỉ chỗ ở hiện nay của chị H tại Nhật Bản để cung cấp cho Tòa án.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vi Hải D, sinh ngày 22/10/2015. Hiện đang ở cùng anh và bố mẹ anh tại Xóm C, xã T, thành phố T. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968; Địa chỉ: Xóm G, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là mẹ đẻ của chị Phạm Thị Ngọc H, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, gia đình có thông tin cho chị H được biết việc anh L đang yêu cầu xin ly hôn với chị thì chị H có gọi điện về trao đổi lại: “Chị xác định vợ chồng có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T vào năm 2015. Do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thống nhất để chị H sang Nhật Bản làm việc kiếm thêm thu nhập. Thời gian đầu chị sang Nhật Bản vợ chồng vẫn giữ liên lạc và quan tâm nhau. Về sau chị được biết anh L có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ đó vợ chồng không còn liên lạc nữa. Sau khi biết việc của anh L chị vì thương con còn nhỏ nên cũng cố gắng hàn gắn nhưng anh L cương quyết xin ly hôn và không thay đổi. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị nhất trí ly hôn với anh L. Về con chung vợ chồng có 01 con như anh L đã khai là đúng. Chị có nguyện vọng được nuôi con tuy nhiên chị đang ở nước ngoài nên chị đề nghị giải quyết việc ly hôn theo quy định. Sau này chị về nước chị mong muốn thỏa thuận lại với anh L về việc nuôi con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu. Về cấp dưỡng: Anh L không yêu cầu nên chị không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết. Hiện chị đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và những người tham gia tố tụng:

- Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của BLTTDS: Tiếp nhận đơn, thông báo nộp tạm ứng án phí, thông báo thụ lý vụ án và tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định của BLTTDS.

- Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

- Đủ điều kiện đưa ra xét xử theo trình tự tố tụng dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ các Điều 28, 37, 38, 147 của BLTTDS; các Điều 51, 55, 56, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vi Hải L, cho anh L được ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc H. Về con chung: Giao con chung là cháu Vi Hải D, sinh ngày 22/10/2015 cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành. Tạm hoãn góp phí tổn nuôi con chung cho chị H do anh L không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 4241/PA08(Đ1) ngày 07/4/2023 của Phòng Q, Công an tỉnh T công dân Phạm Thị Ngọc H có thông tin xuất cảnh ngày 21/4/2022 qua C, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Vi Hải L chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị H là bà Nguyễn Thị Đ (mẹ đẻ), có đủ căn cứ xác định chị H vẫn liên hệ với gia đình nhưng gia đình cũng không cung cấp được địa chỉ của chị H và chị H cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của

Toà án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Việc kết hôn giữa anh Vi Hải L và chị Phạm Thị Ngọc H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo anh L khai: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận. Quá trình vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh cãi. Đến tháng 4/2022 vợ chồng dần ít liên lạc và hiện nay không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Phía bị đơn chị H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (mẹ đẻ chị H), chị cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn do anh L có quan hệ tình cảm với người khác. Hiện nay hai vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, anh L xin ly hôn chị nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh L và chị H đã không còn tình cảm vợ chồng, cũng không còn quan tâm và thương yêu nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh chị đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L, cho anh L được ly hôn chị H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh L và chị H có 01 con chung là Vi Hải D, sinh ngày 22/10/2015. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng được nuôi con chung và thông qua đại diện thân nhân của chị H, chị H thể hiện chị cũng có nguyện vọng được nuôi con. Nhưng do hiện nay chị đang ở nước ngoài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật, chị cũng có ý kiến khi chị về nước chị có nguyện vọng được nuôi cháu, sẽ thỏa thuận lại với anh L về việc nuôi con. Tòa án xác định hiện nay cháu D đang ở cùng anh L tại xóm C, xã T, thành phố T. Do vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao thấy cần tiếp tục giao con chung là Vi Hải D, sinh ngày 22/10/2015 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn và nguyện vọng của cháu D tại bản tự khai ngày 22/5/2023, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, chị H nhất trí vì bản thân chị hiện đang lao động xuất khẩu tại nước ngoài nên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình. Tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H vì anh L không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía chị H không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh L phải chịu 300.000đ đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Vi Hải L. Cho anh Vi Hải L được ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc H.

2. Về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, thăm nom con và thay đổi nuôi con chung:

- *Về quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con:* Giao cho anh V Hải Long là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vi Hải D, sinh ngày 20/10/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Phạm Thị Ngọc H, do anh Vi Hải L chưa có yêu cầu.

- *Về thăm nom con và thay đổi nuôi con chung:* Chị Phạm Thị Ngọc H là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, chị Phạm Thị Ngọc H có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu. Tòa án không giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Vi Hải L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai số theo biên lai thu tiền số 0000256 ngày 12/5/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh Vi Hải L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Phạm Thị Ngọc H được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã Thịnh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ích Yên